

Bản án số: 138/2019/DS-PT

Ngày 05 - 9 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuấn.

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2019/TLPT-DS ngày 15/5/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Lệ H - Sinh năm 1973; trú tại: 250/7 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T- Sinh năm 1966; trú tại: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Phạm Thị Lệ H trình bày:

Do có quen biết nên bà và bà Lê Thị T có quan hệ vay mượn tiền từ năm 2014. Bà T vay tiền của bà nhiều lần và cũng đã trả nhiều lần. Trong năm 2016, bà Lê Thị T có vay của bà số tiền như sau: Ngày 27/6/2016 vay 120.000.000 đồng; ngày 29/10/2016 vay 150.000.000 đồng; ngày 17/11/2016 vay 150.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T vay của bà 420.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận hạn trả cuối cùng vào tháng 12/2016; Lãi suất thỏa thuận của hai bên là 2.000đồng/triệu/ngày (6%/tháng).

Đến hạn trả nợ, bà T mới chỉ trả cho bà 260.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể: ngày 20/01/2017 trả 40.000.000 đồng tiền gốc + 20.000.000 đồng tiền lãi (nay bà đồng ý chuyển 20.000.000 đồng tiền lãi này thành tiền gốc cho bà T); ngày 14/4/2017 trả 200.000.000 đồng gốc.

Từ đó đến nay mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả cho bà. Hiện nay bà T còn nợ bà 160.000.000 đồng tiền gốc + lãi. Nay bà yêu cầu bà T phải trả cho bà 160.000.000 tiền gốc + lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với chồng bà T không liên quan gì đến khoản vay này nên bà không có yêu cầu gì.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Trong năm 2016 bà có vay của bà H số tiền 420.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 27/6/2016 vay 120.000.000 đồng; ngày 29/10/2016 vay 150.000.000 đồng; ngày 17/11/2016 vay 150.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và lãi suất thỏa thuận của hai bên là 2.000đồng/triệu/ngày (6%/tháng).

Sau khi vay, bà đã trả cho bà H 360.000.000 đồng tiền gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể như sau: Ngày 20/01/2017 trả 40.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 08/3/2017 trả 50.000.000 đồng lãi (giấy trả tiền bà H không ghi thời gian); ngày 14/4/2017, trả 200.000.000 đồng tiền gốc; ngày 21/5/2017 trả 100.000.000 đồng (giấy trả tiền này không ghi năm) và ngày 25/5/2017 trả 20.000.000 đồng gốc (giấy trả tiền không ghi năm). Số tiền 70.000.000 đồng tiền lãi đã trả này là do bà H ép bà trả vì khi vay các bên thỏa thuận trả gốc trước, trả lãi sau. Như vậy, bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 60.000.0000 đồng và lãi suất của số tiền gốc còn nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 471, Điều 474 và Điều 273 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lệ H. Buộc bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Lệ H số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lệ H đối với số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/04/2019, nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H kháng cáo một phần bản án, bà đề nghị HĐXX xem xét theo hướng buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý phúc thẩm ngày 20/6/2019 bà Phạm Thị Lệ H có đơn yêu cầu Tòa án xem xét ra Quyết định giám định tuổi mực đối với số tiền 100.000.000 đồng theo bút lục số 49. Mặc dù đã được Tòa án giải thích nhưng bà H vẫn yêu cầu trung cầu giám định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà H để sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về tuyên phần lãi suất trong bản án của Tòa án quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; đồng thời đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T vì bà T là con của Liệt sỹ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm các bên đương sự đều thừa nhận: Do có quen biết nên bà H và bà T có quan hệ vay mượn tiền với nhau.

Trong năm 2016, bà T có vay của bà H số tiền cụ thể như sau: Ngày 27/6/2016 vay 120.000.000 đồng; ngày 29/10/2016 vay 150.000.000 đồng; ngày 17/11/2016 vay 150.000.000 đồng. Tổng cộng bà T vay của bà H 420.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận hạn trả cuối cùng vào tháng 12/2016; Lãi suất thỏa thuận của hai bên là 2.000đồng/triệu/ngày (6%/tháng). Đến hạn trả nợ, bà T không trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà H khởi kiện là có căn cứ.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà H Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà H cho rằng bà T mới chỉ trả cho bà 260.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể: ngày 20/01/2017 trả 40.000.000 đồng tiền gốc + 20.000.000 đồng tiền lãi (nay bà đồng ý chuyển 20.000.000 đồng tiền lãi này thành tiền gốc cho bà T); ngày 14/4/2017 trả 200.000.000 đồng gốc. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà T lại xuất trình các chứng cứ chứng minh bà đã trả cho bà H tổng số tiền 360.000.000 đồng tiền gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể: Ngày 20/01/2017 trả 40.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi (BL: 51); Ngày 08/3/2017 trả 50.000.000 đồng lãi (giấy trả tiền bà H không ghi thời gian. BL: 50); ngày 14/4/2017, trả 200.000.000 đồng tiền gốc (BL: 48); ngày 21/5/2017 trả 100.000.000 đồng (giấy trả tiền này không ghi năm) và ngày 25/5/2017 trả 20.000.000 đồng gốc (giấy trả tiền không ghi năm. BL: 49).

Mặc dù các giấy trả tiền lập ngày 21/5 (không ghi năm) trả 100.000.000 đồng gốc, ngày 25/5 (không ghi năm) trả 20.000.000 đồng gốc (BL:49) và một giấy trả không ghi thời gian trả 50.000.000 đồng lãi (BL: 50) đồng thời các giấy trả tiền này đều bị gạch bỏ nhưng các giấy nhận tiền này bà H đều thừa nhận là do bà viết, ký và gạch bỏ. Bà cho rằng lý do bà gạch bỏ là vì đây là tiền trả của các khoản vay trước đây (trước năm 2016 bà và bà T làm ăn với nhau từ năm 2014, bà T vay tiền của bà rất nhiều lần), sau khi bà T trả tiền cho bà, bà ghi giấy nhận tiền nợ và gạch bỏ để tất toán đối với khoản vay đó để khỏi lẫn lộn các khoản vay còn chưa tất toán đồng thời bà cũng xé bỏ hoặc trả giấy vay gốc cho bà T. Còn đối với các khoản nợ chưa tất toán thì bà nhận trả bao nhiêu tiền thì bà ghi vào giấy cho người vay và không gạch bỏ nhưng bà lại không có chứng cứ để chứng minh giấy trả tiền lập ngày 21/5 (không ghi năm) trả 100.000.000 đồng gốc, ngày 25/5 (không ghi năm) trả 20.000.000 đồng gốc và một giấy trả không ghi thời gian trả 50.000.000 đồng lãi là bà T trả cho một khoản vay khác từ trước năm 2016 cũng như việc bà và bà T có mối quan hệ vay mượn tiền từ năm 2014.

Quá trình vay mượn tiền giữa bà và bà T ngoài giấy vay tiền và trả tiền có ghi rõ ngày tháng năm để tiện theo dõi, cũng như việc gạch bỏ các giấy trả tiền đối

với các khoản nợ đã được tất toán thì bà H không có ghi chép theo dõi công nợ vào giấy tờ sổ sách nào khác, không có ai chứng kiến việc trả tiền giữa bà H và bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh bà T đang còn nợ của bà 160.000.00 đồng tiền gốc.

Mặt khác, theo yêu cầu của bà H ngày 25/6/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 07/QĐ- TCGĐ. Tại công văn số 200/C09-P5 ngày 04/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ công an từ chối giám định vì: Hiện nay Viện khoa học hình sự chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định thời điểm ký và viết trên tài liệu. Nên kháng cáo của bà H không có căn cứ để xem xét.

Tuy nhiên về lãi suất: Tại cấp sơ thẩm các bên đương sự đã thống nhất tính lãi suất tiền vay là 1%/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán buộc bà T phải trả lãi suất cho bà H 1%/tháng theo quy định tại Điều 476 BLDS năm 2005, Điều 468 BLDS 2015 là có căn cứ. Theo tính toán thì bà T phải trả cho bà H tổng số tiền là: 44.046.660 đồng, nhưng số tiền bà T đã trả cho bà H là 70.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà T phải trả thêm tiền lãi suất cho bà H là có căn cứ. Nhưng bản án sơ thẩm tuyên áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án là chưa đúng với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”.

Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà H để sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về tuyên phần lãi suất trong bản án của Tòa án.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T xuất trình giấy chứng nhận bà là con của Liệt sỹ và đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét miễn án phí cho bà. HĐXX xét thấy theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T là thân nhân của Liệt sỹ nên cần xem xét để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về chi phí giám định: Bà H phải chịu 50.000 đồng chi phí giám định, bà H đã nộp số tiền này và Tòa án đã chi phí xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Lê H; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về tuyên phần lãi suất tuyên trong bản án của Tòa án.

[2]. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 471, Điều 474 và Điều 273 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lê H. Buộc bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Lê H số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lê H đối với số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bản án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng.

[3]. Về án phí DSST:

Bà Lê Thị T được miễn án phí DSST.

Bà Phạm Thị Lê H phải chịu 5.000.000 đồng án phí DSST, được khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng án phí do ông Lâm Tấn V đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2017/0000270 ngày 23/8/2017 của Chi cục thi hành án thành phố B. Bà H còn phải nộp 1.000.000 đồng án phí DSST.

[4]. Về án phí DSPT: Bà Phạm Thị Lê H không phải chịu án phí DSPT. Bà Phạm Thị Lê H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông Lâm Tấn V đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0012335 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[5]. Về chi phí giám định: Bà H phải chịu 50.000 đồng chi phí giám định, bà H đã nộp số tiền này và Tòa án đã chi phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dẫn

